

Bản án số: 50/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 9 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Minh Đoan** và ông **Nguyễn Xuân Hiếu**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXX - ST ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Xuân N, sinh năm 1983. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị X, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Xuân L, xã Phượng D, TP Hà Nội
Anh N có mặt, chị X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị anh Lê Xuân N trình bày:

Vợ chồng anh kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã Phượng D, huyện Phú X1. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại thôn Xuân L, xã Phượng D, huyện Phú X1, TP Hà Nội. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa chị X thường X1 đi làm xa nhà khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, nhiều năm trời anh chị không nói chuyện với nhau, không tâm sự với nhau, để nín kéo nhiều lần anh đã gọi chị X về nhưng chị kiên quyết không về. Đến đầu năm

2020 vợ chồng chính thức tự ly thân nhau, chị X dọn hũ quần áo bỏ đi khỏi nhà, anh cũng không gọi chị X về đoàn tụ vì xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau.

Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, nên anh tha thiết đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị X.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Xuân T sinh ngày 14/3/2013 và cháu Lê Ngọc B sinh ngày 19/3/2015, hiện cả hai cháu đang ở cùng anh, ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và không đề nghị chị X cấp dưỡng nuôi con chung..

Về tài sản chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn chị Trần Thị X:

Chị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có quan điểm.

Theo ông Trần Văn Nguyễn là bố đẻ chị Trần Thị X cung cấp:

Con gái ông là chị Trần Thị X kết hôn với anh Lê Xuân N trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã Phụng D, huyện Phú X1. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại thôn Xuân L, xã Phụng D, huyện Phú X1, TP Hà Nội. Vợ chồng anh N chị X chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa chị X thường X1 đi làm xa nhà khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, ông nghe chị X nói vợ chồng chị X thậm chí còn không nói chuyện với nhau suốt nhiều năm, có việc gì chị X chỉ gọi nói chuyện qua con cái. Đến đầu năm 2020 vợ chồng chính thức tự ly thân nhau, chị X dọn hũ quần áo bỏ đi khỏi nhà.

Hiện chị X vẫn có hộ khẩu thường trú và cư trú, và sống cùng ông tại thôn Xuân L, xã Phụng D, TP Hà Nội

Ông cũng biết mâu thuẫn vợ chồng con gái (chị X) là trầm trọng, anh N cũng nhiều lần nói đến chuyện ly hôn, chị X cũng nói với ông là đồng ý ly hôn, anh N muốn làm gì thì làm. Mặc dù cả hai gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị X không chịu về đoàn tụ.

Ông đã nhận được các văn bản tố tụng và đã đưa luôn và ngay cho chị X, nhưng chị X bảo kệt, anh N muốn làm gì thì làm, nên việc chị X có đến Tòa án làm việc hay không thì ông không rõ.

Vợ chồng anh N chị X có hai con chung là Lê Xuân T sinh ngày 14/3/2013 và cháu Lê Ngọc B sinh ngày 19/3/2015, hiện cả hai cháu đang ở cùng anh N, chị X cũng nói với ông là ly hôn thì con chung ở với ai cũng được, chị không có ý kiến gì, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, công nợ chung: theo ông được biết thì vợ chồng anh N chị X không có tài sản chung, không có công nợ chung.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của anh Lê Xuân N và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho anh Lê Xuân N được ly hôn chị Trần Thị X; giao cả hai con chung là cháu Lê Xuân T sinh ngày 14/3/2013 và cháu Lê Ngọc B sinh ngày 19/3/2015 cho anh Lê Xuân N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị X; tài sản chung, công nợ chung: các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Xuân L, xã Phụng D, Thành phố Hà Nội nên TAND khu vực 12 – Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Xuân N và chị Trần Thị X là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phụng D (Đăng ký kết hôn số 46/2012 quyển số 01/2012). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh

mâu thuẫn do tính tình không hợp, do bất đồng quan điểm sống, hơn nữa vợ chồng không chung chí hướng, không thông cảm và không muốn xây dựng tình nghĩa vợ chồng. Mâu thuẫn trầm trọng anh chị đã tự ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay, chấm dứt cuộc sống vợ chồng.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Xuân N và chị Trần Thị X đã đến mức trầm trọng, không thể ở cùng nhau được nữa, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa.... Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của anh N xin ly hôn chị X là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh N ly hôn chị X.

Về con chung: Anh N và chị X có hai con chung là cháu Lê Xuân T sinh ngày 14/3/2013 và cháu Lê Ngọc B sinh ngày 19/3/2015

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả hai con chung là cháu T, cháu B hiện đang ở cùng anh N, và cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng anh N nên để ổn định sự phát triển của cháu cũng như phù hợp với nguyện vọng khi ly hôn của anh N, nên giao cả hai con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc giáo dục là hợp lý; tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn anh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn anh N và bị đơn chị X có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Lê Xuân N được ly hôn chị Trần Thị X.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Lê Xuân T sinh ngày 14/3/2013 và cháu Lê Ngọc B sinh ngày 19/3/2015 cho anh Lê Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị X đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo qui định của pháp luật.

Chị X có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Anh Lê Xuân N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên Li thu số 0004048 ngày 12/8/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội. Anh N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Văn Phong

